

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2026/HNGĐ-ST**
Ngày 01-6-2026
V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Anh
2. Ông Nguyễn Văn Thuật

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Xuân Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm: 1983;

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1979;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã P, thành phố Đà Nẵng.

Chị H đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông V tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ). Sau khi kết hôn, bà và ông V chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con. Hiện tại, bà và ông V đã không còn chung sống với nhau. Nay, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoàng N (sinh ngày 01/6/2005) và cháu Nguyễn Thị Thủy T (sinh ngày 01/4/2011). Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu giao cháu Nguyễn Thị Thủy T cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Thị Hoàng N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải bà thống nhất ông V cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, phiên hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H tự nguyện tìm hiểu đến với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam cũ vào năm 2004. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính nhau nên ông thống nhất với yêu cầu ly hôn của bà H.

Về nuôi con chung: cháu Nguyễn Thị Hoàng N (sinh ngày 01/6/2005) và cháu Nguyễn Thị Thủy T (sinh ngày 01/4/2011). Khi ly hôn, ông đồng ý theo yêu cầu của bà H, giao cháu Nguyễn Thị Thủy T cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vì hiện nay ông không có công việc ổn định nên ông chỉ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với cháu Nguyễn Thị Thủy T cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về tố tụng và hướng giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đảm bảo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị Mỹ Hoa được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về nuôi con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Thủy T, thì thấy trong quá trình giải quyết vụ án bà H và ông V thống nhất giao cháu T cho chị H nuôi dưỡng, đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng với bà H, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T cho bà H nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề

ngợi giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam (cũ). Bị đơn ông Nguyễn Văn V hiện đang cư trú tại xã P, thành phố Đà Nẵng. Bà Trần Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu ly hôn, Toà án nhân dân khu vực 7- Đà Nẵng giải quyết là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn đúng thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản khai của các đương sự đều thừa nhận hiện tại vợ chồng bất đồng quan điểm trong hôn nhân dẫn đến thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, hiện tại tình cảm ông, bà không còn, bà H và ông V đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa bà H và ông V không có điều kiện để tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoàng N (sinh ngày 01/6/2005) và cháu Nguyễn Thị Thủy T (sinh ngày 01/4/2011). Bà Trần Thị Mỹ H và ông Nguyễn Văn V đều thống nhất giao cháu Nguyễn Thị Thủy T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, còn cháu Nguyễn Thị Hoàng N đã trưởng thành, đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, cháu T hiện nay đã trên 7 tuổi, cháu có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được sống cùng với bà H. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Thủy T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn V thống nhất theo yêu cầu của bà H, ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000

đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi. Việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; ông Nguyễn Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Trần Thị Mỹ H được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Nguyễn Thị Thủy T (sinh ngày 01/4/2011) cho bà Trần Thị Mỹ H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Thời gian cấp dưỡng tính từ thời điểm bản án hôn nhân và gia đình này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Thị Thủy T đủ 18 tuổi trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: bà Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hoa đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số **0002089** ngày 10/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung, ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7- Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 7 – Đà Nẵng ;
- UBND xã Phú Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mận

